

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11/12/2020
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 11/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 04, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

2. Bị đơn: H, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 04, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 12/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y trình bày:

Chị Y và anh H kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An vào ngày 04/02/2006. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2002.

Trong thời gian chung sống, anh H và chị Y có 02 con chung; cháu T, sinh ngày 18/10/2002 và cháu K, sinh ngày 05/11/2005. Cháu T đang ở với chị Y, cháu K đang

ở với anh Hòa. Cháu T hiện đang đi làm công nhân dân ở thành phố Hồ Chí Minh, cháu K hiện đang học lớp 10a3 ở trường THPT T xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Tài sản chung có nhưng không yêu cầu giải quyết, tài sản riêng và công nợ không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: giữa anh H và chị Y có những mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Ngoài ra, anh H có người phụ nữ khác dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, giữa anh H và chị Y thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, không thể hòa giải được và không có tiếng nói chung. Chị Y và anh H đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, chị Y đã đi làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh từ cuối năm 2018 cho đến nay và không còn liên lạc với nhau, không còn sự quan tâm đến nhau nữa.

Nay chị Y yêu cầu giải quyết: Xin được ly hôn với anh H. Con chung: Chị Y xin nuôi cháu T - sinh ngày 18/10/2002; Giao cháu K cho anh H được quyền nuôi dưỡng và nguyện vọng chị Y là để cháu ổn định học hành. Chị Y không cấp dưỡng nuôi cháu K. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Tài sản riêng, công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh H, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tiến hành triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại địa phương, anh H đang sinh sống tại thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập với anh H nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời tiến hành niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải, Thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh H nhưng vẫn vắng không có lý do, cố tình trốn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Duy chỉ, bị đơn anh H không chấp hành theo quy định của pháp luật, cố tình vắng mặt không có lý do, anh H tự tước quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn và giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh H (chấm dứt quan hệ hôn nhân). Giao cháu K cho anh H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, cháu T đến ngày xét xử đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng, tài sản và công nợ do nguyên đơn không yêu cầu. Buộc chị Y chịu án phí 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn chị Y và bị đơn H, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại và sinh sống thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết theo định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt trực tiếp và đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật đối với anh H nhưng vẫn vắng không có lý do. Việc vắng mặt của anh H không có lý do nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa anh H đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, anh H phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] Về hôn nhân: Chị Y và anh H xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An vào ngày 04/02/2006 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2002. Do đó, hôn nhân giữa chị Y và anh H là hợp pháp.

[5] Về mâu thuẫn: Qua xác minh, giữa anh H và chị Y có mâu thuẫn với nhau. Mâu thuẫn trong lối sống; cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau; hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn, do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Y và anh H đã sống ly thân đồng thời chị Y làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh từ cuối năm 2018 cho đến nay.

[5.1] Qua làm việc với cháu T và cháu K, các cháu đều thừa nhận giữa anh H và chị Y có mâu thuẫn. Từ đó dẫn đến chị Y đi làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh từ cuối năm 2018 cho đến nay, ít khi về nhà, không còn quan tâm và không chăm sóc lẫn nhau.

[5.2] Như vậy, mâu thuẫn giữa anh H và chị Y là có thật và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn và cho chị Y được ly hôn với anh H.

[6] Con chung:

- Cháu T, sinh ngày 18/10/2002. Tuy nhiên, đến ngày xét xử, cháu T đã đủ 18 tuổi, ngoài ra cháu T đã có việc làm và thu nhập ổn định, tự lo được cuộc sống riêng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem giải quyết.

- Chị Y đồng ý giao cháu K, sinh ngày 05/11/2005 cho anh H nuôi dưỡng. Qua làm việc với cháu K thì cháu K đang ở với anh H và cháu có nguyện vọng ở với anh H để ổn định và đảm bảo việc học hành, cháu K hiện đang học lớp 10 trường THPT T xã Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông. Qua xác minh tại địa phương, anh H là người

đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu K cho anh H nuôi dưỡng để đảm bảo việc học hành của cháu K.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật hôn nhân gia đình.

[8] Tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Tài sản riêng và nợ chung: Không có.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Y phải nộp 300.000 đồng án phí theo quy định pháp luật.

[10] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Y ly hôn với H.

2. Về con chung: Giao cháu K, sinh ngày 05/11/2005 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành. Chị Y được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, anh H không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

2.1 Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

3.1. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân gia đình.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003425, ngày 15/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hồng Duy